

Bản án số: 36/2026/DS-ST.

Ngày 14/5/2026.

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tài;

2. Bà Nguyễn Thị Anh Đào.

- Thư ký phiên tòa: Lê Thị Ý Nhi là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13 -Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Cao Văn Nở – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 372/2025/TLST- DS ngày 10 tháng 12 năm 2025, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2026/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2026/QĐST-DS, ngày 24 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S (S1)

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Địa chỉ: Số B - B, đường N, phường X, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Bảo T – Chức vụ Chuyên viên kiểm soát rủi ro – Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh T1 theo văn bản ủy quyền đề ngày 22/12/2025. Có mặt

Địa chỉ trụ sở S1 – Chi nhánh T1: Số E, đường N, khóm A, phường T, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Ông Thạch Ngọc Đ, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Ấp S, xã L, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh Thạch Ngọc C, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp S, xã L, tỉnh Vĩnh Long theo văn bản ủy quyền đề ngày 02/7/2025. Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Hồ Bảo T là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP S trình bày:

Vào ngày 27/7/2022, Ngân hàng TMCP S và ông Thạch Ngọc Đ có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 2146445 ngày 27/7/2022 (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Căn cứ vào thu nhập của ông Thạch Ngọc Đ, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng là 50.000.000 đồng với mục đích là tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2,05%/tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Đ đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 87.000.000 đồng. Lãi suất được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Ông Đ phải chịu các khoản phí theo quy định trong Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông Đ đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 65.550.054 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bản sao kê tóm tắt đính kèm (BL 47). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Bản Điều khoản, Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

- + Các khoản phí và hoặc lãi của kỳ trước.
- + Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước.
- + Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước.
- + Các khoản phí và hoặc lãi trong kỳ.
- + Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ.
- + Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Quá trình vay ông Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc và yêu cầu ông Đ thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ nhưng ông Đ vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng. Do ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Ngày 15/7/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn của Bản Điều khoản và điều kiện chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm khởi kiện là 47.141.594 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại). Nay ông đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP S (S1) yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Thạch Ngọc Đ phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến hết ngày 14/5/2026 là 81.928.772 đồng. Trong đó: Nợ gốc là: 47.141.594 đồng, lãi quá hạn là 34.787.178 đồng. Đồng thời buộc ông Thạch Ngọc Đ phải trả lãi phát sinh từ ngày 15/5/2026 cho đến khi thanh toán hết nợ

cho Ngân hàng theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đã ký kết. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Thạch Ngọc Đ và người đại diện theo uỷ quyền của ông Thạch Ngọc Đ là anh Thạch Ngọc C vắng mặt lần thứ hai không lý do nên không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ cho đương sự nhận. Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn và người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án:* Căn cứ khoản 2 Điều 26, 91, 92, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 463, 465, 466 của Bộ luật dân sự; Căn cứ vào Điều 7 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật tổ chức tín dụng 2010 sửa đổi bổ sung 2017; Điều 100 và Điều 103 của Luật các tổ chức tín dụng 2024 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Thạch Ngọc Đ phải trả số tiền gốc là: 47.141.594 đồng, tiền lãi quá hạn là 34.787.178 đồng, tổng số tiền gốc và lãi là 81.928.772 đồng cho Ngân hàng TMCP S. Đồng thời buộc ông Thạch Ngọc Đ phải trả lãi phát sinh kể từ ngày 15/5/2026 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đã ký kết.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Thạch Ngọc Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- *Phản kiến nghị:* Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn anh Thạch Ngọc C vắng mặt lần thứ hai không lý do. Căn cứ Điều 228 của

Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét thấy Ngân hàng TMCP S (S1) khởi kiện ông Thạch Ngọc Đ yêu cầu trả tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn:

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu ông Thạch Ngọc Đ phải trả tổng số tiền là 81.928.772 đồng, trong đó gốc là: 47.141.594 đồng, lãi quá hạn là 34.787.178 đồng. Đồng thời yêu cầu ông Thạch Ngọc Đ phải trả lãi phát sinh kể từ ngày 15/5/2026 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP S (S1) theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng đã ký kết.

Tại phiên tòa, bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Thạch Ngọc C vắng mặt lần thứ hai không lý do nên không có lời trình bày. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Thạch Ngọc Công trình B: Thừa nhận vào khoảng năm 2022, ông Thạch Ngọc Đ có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP S – chi nhánh T1 để vay số tiền là 50.000.000 đồng, mục đích vay là tiêu dùng, quá trình vay tiền của Ngân hàng thì ông Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng, hiện tại ông Đ còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 47.141.594 đồng. Nay đại diện Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông Thạch Ngọc Đ phải trả số tiền gốc là 47.141.594 đồng và tiền lãi quá hạn thì anh đại diện theo ủy quyền của ông Đ đồng ý trả số tiền gốc theo yêu cầu của Ngân hàng, còn phần tiền lãi thì không đồng ý.

Xét thấy vào ngày 27/7/2022, Ngân hàng TMCP S (S1) và ông Thạch Ngọc Đ có ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, để cho ông Đ vay tiền, hạn mức tín dụng là 50.000.000 đồng, mục đích vay là tiêu dùng cá nhân, thời hạn sử dụng thẻ là 36 tháng, lãi suất là 2,05%/tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Thạch Ngọc Đ đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 87.000.000 đồng. Lãi suất được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Trong quá trình sử dụng thẻ, tính từ ngày 15/8/2022 đến ngày 15/3/2024, ông Đ đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền là 65.550.054 đồng. Hiện tại ông Đ còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là: 47.141.594 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày 14/5/2026 là 34.787.178 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình Ngân hàng có cung cấp các chứng từ như: Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 2146445 ngày 27/7/2022 (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản tóm tắt sao kê).

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền bị đơn thừa nhận vào ngày 27/7/2022 ông Thạch Ngọc Đ có ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng với Ngân hàng TMCP S để vay số tiền 50.000.000 đồng của

Ngân hàng và hiện tại ông Đ còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 47.141.594 đồng (người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn chỉ trình bày nhưng không đồng ý ký tên vào biên bản). Đồng thời người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn có cung cấp bản tự khai (BL 63) cũng thừa nhận việc vay tiền với Ngân hàng. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn đã chứng minh được ông Thạch Ngọc Đ có vay tiền của Ngân hàng và còn nợ Ngân hàng số tiền nêu trên chưa trả đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào các Điều 91, Điều 92, Điều 93 và Điều 94 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S (S1) buộc ông Thạch Ngọc Đ phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi là 81.928.772 đồng (trong đó tiền gốc là 47.141.594 đồng, tiền lãi quá hạn là 34.787.178 đồng). Đồng thời buộc ông Thạch Ngọc Đ phải trả lãi phát sinh kể từ ngày 15/5/2026 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP S (S1) theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đã ký kết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Thạch Ngọc Đ là người cao tuổi, quá trình giải quyết vụ án Tòa án có hướng dẫn cho người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn cho ông Đ làm đơn xin miễn án phí nhưng người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn không hợp tác và không nộp đơn xin miễn án phí. Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Hội đồng xét xử buộc ông Thạch Ngọc Đ phải chịu án phí theo quy định.

Xét quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, các Điều 91, 92, 93, 94, 147, 227, 228, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 116, 117, 463, 465 và Điều 466 của Bộ Luật dân sự;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng 2010 sửa đổi bổ sung 2017;

Căn cứ Điều 100 và Điều 103 của Luật các tổ chức tín dụng 2024;

Căn cứ vào Điều 7 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP S (S1)

- Về số tiền gốc và lãi phải trả:

Buộc ông Thạch Ngọc Đ phải trả cho Ngân hàng TMCP S (S1) tổng số tiền là 81.928.772 đồng (trong đó số tiền gốc là 47.141.594 đồng, tiền lãi quá hạn là 34.787.178 đồng).

Kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2026, ông Thạch Ngọc Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, ngày 27/7/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay trong từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc ông Thạch Ngọc Đ phải chịu 4.096.438 đồng án phí.

Ngân hàng TMCP S (S1) không phải chịu án phí, hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S (S1) số tiền tạm ứng án phí là 1.589.000 đồng theo biên lai thu số 0011683, ngày 09/12/2025 do Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long thu.

- *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND KV 13- Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Phương Hà

